

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

Số: 09/2015/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 01 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản

phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 418/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Quy định này không áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các dự án đang được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

2. *Chuyển giao công nghệ* là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

3. *Tư vấn chuyển giao công nghệ* là hoạt động hỗ trợ các bên trong việc lựa chọn công nghệ, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ.

4. *Cải tiến công nghệ* là thay đổi (thêm, bớt) một công đoạn, một bộ phận, một chi tiết, một phương pháp của thiết bị công nghệ so với hiện trạng ban đầu

để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. *Hoàn thiện công nghệ* là hình thức đầu tư công nghệ vì lý do thiếu kinh phí hoặc lý do khác nên dây chuyền công nghệ trước đó chưa hoàn chỉnh mà vẫn tạo ra sản phẩm.

6. *Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ* là tiếp nhận các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, các phương pháp quản lý mới đã được công bố vào công nghệ hiện có của đơn vị nhằm tạo ra năng suất, chất lượng hoặc tạo ra sản phẩm mới hay nhằm thay đổi quy trình sản xuất, phương pháp quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

7. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của các tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

8. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

9. *Nhãn hiệu tập thể* là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải thành viên của tổ chức đó.

10. *Nhãn hiệu chứng nhận* là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hoá, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu.

11. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

12. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

13. *Chỉ dẫn địa lý* là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

14. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

15. *Áp dụng các Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến* là xây dựng và triển khai các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn Quốc tế như: ISO 9000, ISO 14000, HACCP, GMP, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 17025,...

Điều 4. Các lĩnh vực, hoạt động được khuyến khích, hỗ trợ

Các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp phù hợp các lĩnh vực quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi là Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND).

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ kinh phí

Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh thực hiện các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp phù hợp Điều 4 Quy định này và đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND.

Điều 6. Hình thức và mức hỗ trợ

Hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp theo định mức hoặc tỷ lệ % được quy định cụ thể tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND.

Điều 7. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ hàng năm được trích trong tổng kinh phí sự nghiệp Khoa học và Công nghệ hàng năm của tỉnh (tối đa không quá 10% tổng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm); từ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh và từ các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

Chương II

THỦ TỤC, TRÌNH TỰ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ

Điều 8. Thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, hoàn thiện công nghệ

1. Thành phần hồ sơ (đối với bản sao phải được chứng thực hoặc có bản gốc để đối chiếu):

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu M01);
- Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- Giải trình kinh tế - kỹ thuật, trong đó nêu rõ giải pháp về công nghệ bao gồm: quy trình công nghệ; phân tích và lựa chọn phương án công nghệ; danh

mục máy móc, trang thiết bị; dây chuyền công nghệ; đánh giá tác động của công nghệ đến môi trường và hiệu quả kinh tế - xã hội (theo mẫu M02);

- Bản sao Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật năm trước liền kề với năm đề nghị hỗ trợ;

- Bản sao Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế năm trước liền kề với năm đề nghị hỗ trợ (có xác nhận của cơ quan thuế là đã nộp tờ khai);

- Tài liệu xác nhận việc thực hiện các chính sách đối với người lao động;

- Bản sao Biên bản kiểm tra quyết toán thuế (nếu có);

- Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao Hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có);

- Hợp đồng mua thiết bị công nghệ (nếu có);

- Bản sao các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có);

- Tài liệu chứng minh các hoạt động vì cộng đồng, an sinh xã hội (nếu có);

- Bản sao các báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ (nếu có);

- Bản sao Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Doanh nghiệp (nếu có).

2. Trình tự thực hiện

a) Thủ tục, trình tự xét duyệt

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ gốc (hồ sơ được ký trực tiếp và đóng dấu đỏ) và 09 bộ hồ sơ bản sao từ bộ hồ sơ gốc trực tiếp cho Sở Khoa học và Công nghệ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn) và tổ chức họp xét duyệt.

- Căn cứ vào kết quả xét duyệt của Hội đồng tư vấn, trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ xác định nội dung và mức hỗ trợ tài chính cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Sở Khoa học và Công nghệ đối với nội dung và mức hỗ trợ tài chính của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ. Sau khi có ý kiến nhất trí của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định hỗ trợ, thông báo kết quả, ký kết hợp đồng hỗ trợ cho doanh nghiệp, doanh nhân và theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện.

b) Nghiệm thu đánh giá

- Khi kết thúc các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, hoàn thiện công nghệ, doanh nghiệp phải tổ chức nghiệm thu đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả kinh tế, xã hội do các hoạt động đó mang lại và gửi báo cáo kết quả đạt được (theo mẫu M03) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho Sở Khoa học và Công nghệ để trình Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh xem xét quyết định (số lượng 01 bộ hồ sơ gốc và 09 bộ hồ sơ bản sao từ bộ hồ sơ gốc).

- Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện của tổ chức cá nhân, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu và tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện dự án. Căn cứ nội dung, khối lượng, chất lượng thực hiện dự án, tiến hành làm thủ tục thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Chi nghiệm thu, quyết toán số kinh phí đã cấp cho các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ khi đã được Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên.

- Trường hợp Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đánh giá không đạt yêu cầu trong hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ thì doanh nghiệp phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã cấp. Nếu trường hợp do yếu tố khách quan hoặc rủi ro không lường trước có thể được miễn giảm kinh phí thu hồi tùy theo mức độ thiệt hại gây ra.

- Đối với các trường hợp hoàn thành chậm tiến độ so với hợp đồng ký kết mà không có lý do xác đáng được Sở Khoa học và Công nghệ chấp thuận, các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ sẽ phải hoàn trả một phần số kinh phí hỗ trợ (tối thiểu là 30% số kinh phí hỗ trợ đã được phê duyệt).

3. Hội đồng tư vấn

a) Thành phần Hội đồng:

Hội đồng tư vấn có từ 7 - 9 thành viên, trong đó:

+ Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo ngành có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực đề nghị hỗ trợ.

+ Ủy viên Hội đồng là đại diện các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và liên quan; đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và cán bộ khoa học kỹ thuật có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp.

+ Ủy viên thư ký Hội đồng là Trưởng phòng Quản lý Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Trách nhiệm của Hội đồng tư vấn:

- Hội đồng tư vấn xét duyệt có trách nhiệm:

+ Xem xét, đánh giá cơ sở khoa học, công nghệ, khả năng áp dụng của dự án vào thực tế sản xuất của doanh nghiệp; hiệu quả kinh tế - xã hội do hoạt

động đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, hoàn thiện công nghệ mang lại.

+ Xác định nội dung, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

- Hội đồng tư vấn nghiệm thu có trách nhiệm:

+ Đánh giá và nghiệm thu kết quả các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ theo mục đích, yêu cầu, nội dung, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã được ký kết;

+ Xác định mức miễn giảm kinh phí thu hồi trong trường hợp hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ được đánh giá không đạt yêu cầu do yếu tố khách quan hoặc rủi ro không lường trước.

c) Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng tư vấn

Kinh phí cho hoạt động của các Hội đồng tư vấn được bố trí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý.

Điều 9. Thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Thành phần hồ sơ (đối với bản sao phải được chứng thực hoặc có bản gốc để đối chiếu):

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu M04);

- Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có);

- Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao Hợp đồng chuyển giao công nghệ (đối với đơn đề nghị hỗ trợ hợp đồng chuyển giao công nghệ);

- Bản sao Hợp đồng tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ (đối với đơn đề nghị hỗ trợ hoạt động tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ);

- Hợp đồng mua thiết bị công nghệ (nếu có);

- Bản sao các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có);

- Tài liệu chứng minh các hoạt động vì cộng đồng, an sinh xã hội (nếu có);

- Bản sao các báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ (nếu có);

- Bản sao Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Doanh nghiệp (nếu có).

2. Trình tự thực hiện và Hội đồng tư vấn

a) Đối với hỗ trợ hợp đồng chuyển giao công nghệ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

b) Đối với đề nghị hỗ trợ hoạt động tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ gốc (hồ sơ được ký trực tiếp và đóng dấu đỏ) trực tiếp cho Sở Khoa học và Công nghệ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ, xác minh thực tế:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu và gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc. Nếu quá thời hạn trên mà doanh nghiệp vẫn chưa khắc phục, bổ sung đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ dừng thẩm định hồ sơ và không tiến hành các bước tiếp theo.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ ra thông báo và quyết định phê duyệt hỗ trợ theo mức quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND. Kinh phí hỗ trợ sẽ được chuyển trả 01 lần vào tài khoản của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Thủ tục đề nghị hỗ trợ hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm

1. Thành phần hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ chung:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu M05);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực hoặc có kèm bản chính để đối chiếu).

b) Thành phần hồ sơ cụ thể theo từng nội dung hỗ trợ:

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tiên tiến:

Hồ sơ, tài liệu về hệ thống Quản lý chất lượng hoặc hồ sơ, tài liệu về mô hình công cụ cải tiến năng suất và chất lượng đã được xây dựng và áp dụng.

- Sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

Hồ sơ công bố hợp quy (Theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công

bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

- Sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia, Tiêu chuẩn Quốc tế:

Hồ sơ công bố hợp chuẩn (Theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

- Công bố tiêu chuẩn cơ sở (đối với những sản phẩm chưa có tiêu chuẩn Quốc gia): Hồ sơ công bố tiêu chuẩn cơ sở đã được xây dựng và áp dụng.

2. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ gốc (hồ sơ được ký trực tiếp và đóng dấu đỏ) trực tiếp cho Sở Khoa học và Công nghệ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ, xác minh thực tế:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu và gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc. Nếu quá thời hạn trên mà doanh nghiệp vẫn chưa khắc phục, bổ sung đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ dừng thẩm định hồ sơ và không tiến hành các bước tiếp theo.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ ra thông báo và quyết định phê duyệt hỗ trợ theo mức quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. Kinh phí hỗ trợ sẽ được chuyển trả 01 lần vào tài khoản của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Thủ tục hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu công nghiệp

1. Thành phần hồ sơ (đối với bản sao phải có chứng thực hoặc kèm bản chính để đối chiếu):

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu M06);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao Giấy Chứng minh nhân dân, hộ khẩu (đối với trường hợp cá nhân đề nghị hỗ trợ);
- Bản sao văn bằng bảo hộ quyền Sở hữu công nghiệp.

2. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp 04 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ, xác minh thực tế:

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu và gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc. Nếu quá thời hạn trên mà tổ chức, cá nhân vẫn chưa khắc phục, bổ sung đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ dừng thẩm định hồ sơ và không tiến hành các bước tiếp theo.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Sở Khoa học và Công nghệ ra thông báo và quyết định phê duyệt hỗ trợ theo mức quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. Kinh phí hỗ trợ sẽ được chuyển trả 01 lần vào tài khoản của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý và doanh nghiệp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định hồ sơ và quyết định mức hỗ trợ theo Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tổng hợp và xem xét đánh giá sơ bộ nhu cầu của các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp theo kế hoạch hàng năm.

b) Báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi ban hành quyết định hỗ trợ, thông báo kết quả, ký kết hợp đồng hỗ trợ cho doanh nghiệp, doanh nhân, đối với các nội dung: Hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, hoàn thiện công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân.

c) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức Hội đồng xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu nội dung thực hiện và việc sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích và có hiệu quả, kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi lợi dụng để hưởng chính sách khuyến khích ưu đãi của Nhà nước.

d) Trong trường hợp phát hiện doanh nghiệp sử dụng kinh phí sai mục đích, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền dừng cấp phát kinh phí, thu hồi kinh phí đã cấp từ tài khoản của doanh nghiệp và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

đ) Trong trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho đơn vị được biết trong thời hạn

không quá 15 ngày, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc phân bổ dự toán, xét duyệt kiểm tra, đánh giá nội dung thực hiện và sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích và có hiệu quả theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân:

a) Lập nhu cầu đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xác lập quyền sở hữu công nghiệp và đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Tổ chức tiến hành triển khai hoạt động đăng ký hỗ trợ theo đúng nội dung, khối lượng, thời gian và kinh phí được thẩm định phê duyệt.

- Doanh nghiệp tự chủ trong việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, hoàn thiện công nghệ hoặc chuyển giao công nghệ tại Doanh nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

- Doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, thực hiện chế độ chi tiêu đối với kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành về quản lý tài chính đối với lĩnh vực đầu tư khoa học và công nghệ.

c) Trong quá trình triển khai dự án các tổ chức, cá nhân phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, định kỳ gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ, công chức và các cá nhân cố ý làm trái nội dung quy định tại Quyết định này gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi gian dối để được hưởng hỗ trợ ưu đãi theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được cấp, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

Mẫu M01
Đơn đăng ký hỗ trợ kinh phí đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật,
hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ.
(Ban hành kèm theo Quyết định số...)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

Đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật,
hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ

Kính gửi: SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ CAO BẰNG

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại.....; Fax.....; email:
.....
4. Cơ quan quyết định thành lập (nếu có):
5. Thuộc loại hình doanh nghiệp:
 - Doanh nghiệp nhà nước:
 - Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài:
 - Doanh nghiệp Khoa học và công nghệ:
 - Doanh nghiệp khác:
6. Người đại diện:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:

Căn cứ Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, tôi làm đơn này đề nghị được cấp kinh phí hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND.
7. Tên Dự án đầu tư đổi mới công nghệ:
8. Tổng kinh phí thực hiện dự án:
9. Nguồn vốn:
10. Thời gian thực hiện:

11. Kinh phí đề nghị Nhà nước hỗ trợ:

12. Tài liệu kèm theo:

- Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Giải trình kinh tế - kỹ thuật, trong đó nêu rõ giải pháp về công nghệ bao gồm: quy trình công nghệ; phân tích và lựa chọn phương án công nghệ; danh mục máy móc, trang thiết bị; dây chuyền công nghệ; đánh giá tác động của công nghệ đến môi trường và hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Bản sao Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật năm trước liền kề với năm đề nghị hỗ trợ;

- Bản sao Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế năm trước liền kề với năm đề nghị hỗ trợ (có xác nhận của cơ quan thuế là đã nộp tờ khai);

- Tài liệu xác nhận việc thực hiện các chính sách đối với người lao động;

- Bản sao Biên bản kiểm tra quyết toán thuế (nếu có).

- Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ;

- Bản sao Hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có);

- Hợp đồng mua thiết bị công nghệ (nếu có);

- Bản sao các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có);

- Tài liệu chứng minh các hoạt động vì cộng đồng, an sinh xã hội (nếu có);

- Bản sao các báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ (nếu có);

- Bản sao Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của

Doanh nghiệp (nếu có).

13. Phần cam đoan: Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Quý Sở là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Nếu được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án của doanh nghiệp, chúng tôi xin đảm bảo thực hiện đầy đủ theo quy định và theo đúng các nội dung được duyệt.

....., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Đóng dấu và kí tên)

Mẫu M02
Mẫu Báo cáo giải trình kinh tế - kỹ thuật
(Ban hành kèm theo Quyết định số...)

MẪU BÁO CÁO GIẢI TRÌNH KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. Giới thiệu chủ đầu tư

2. Mô tả sơ bộ dự án

3. Cơ sở pháp lý

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

1. Sự cần thiết phải đầu tư

2. Mục tiêu nhiệm vụ đầu tư

III. GIẢI TRÌNH CÔNG NGHỆ

1. Sự cần thiết chuyển giao công nghệ:

Phân tích, đánh giá về thực trạng công nghệ hiện có và nhu cầu đổi mới, chuyển giao công nghệ.

2. Thuyết minh về công nghệ:

a. Tên công nghệ.

b. Nguồn gốc xuất xứ công nghệ.

c. Sản phẩm do công nghệ tạo ra.

d. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

d. Thị trường tiêu thụ sản phẩm (trong nước, xuất khẩu).

e. Công nghệ đã được áp dụng vào thực tế (hoặc chưa được áp dụng vào thực tế).

g. Nội dung đổi mới, chuyển giao công nghệ:

- Bí quyết kỹ thuật.

- Tài liệu và thông tin công nghệ.

- Đào tạo.

- Trợ giúp kỹ thuật.

- Li xăng đối tượng sở hữu công nghiệp.

h. Sơ đồ và quy trình công nghệ.

i. Các yêu cầu về nhân lực.

k. Các máy móc, thiết bị kèm công nghệ.

l. Nhu cầu sử dụng nhiên, nguyên, vật liệu đối với công nghệ chuyển giao.

m. Các cơ sở hạ tầng cần thiết trong trường hợp tiếp nhận công nghệ.

3. Dự kiến kết quả chuyển giao công nghệ đạt được

IV. SƠ BỘ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

V. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Mẫu M03

Mẫu Báo cáo Kết quả thực hiện
(Ban hành kèm theo Quyết định số...)

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ,
HOÀN THIỆN CÔNG NGHỆ

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
4. Tổ chức và cá nhân tham gia phối hợp thực hiện (nếu có):
5. Mục tiêu chính của dự án:
6. Qui mô, công suất:
7. Địa điểm dự án:
8. Hình thức quản lý dự án:
9. Các mốc thời gian về dự án:
 - Ngày phê duyệt quyết định đầu tư:
 - Ngày phê duyệt quyết định hỗ trợ đổi mới công nghệ:
 - Thời gian thực hiện dự án:
 - + Thời gian bắt đầu:
 - + Thời gian kết thúc:
10. Tổng mức đầu tư:
11. Nguồn vốn đầu tư: *(Ghi tổng số, trong đó: Kinh phí sự nghiệp khoa học hỗ trợ, vốn tự có, vốn huy động khác)*
12. Mô tả tóm tắt dự án:
13. Các thông tin khác có liên quan:

Phần thứ hai
KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cơ sở khoa học và thực tiễn của dự án

1.1. Tổng quan và luận giải cơ sở khoa học, thực tiễn của nội dung mà dự án nghiên cứu áp dụng (bao gồm các vấn đề về hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ):

+ Tên hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc phương án đổi mới công nghệ, Giấy phép chuyển giao công nghệ (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ) số... ngày... tháng... năm... của (tên cơ quan cấp)...

+ Ngày sản xuất thương mại có sử dụng công nghệ chuyển giao hoặc áp dụng phương án đổi mới công nghệ

1.2. Những nội dung hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ của dự án đã tiếp nhận triển khai:

2. Nội dung dự án đã thực hiện

2.1. Tổng kết toàn bộ quá trình thực hiện dự án:

Mô tả tóm tắt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư.

2.2 Tổng hợp các kết quả thực hiện đạt được của dự án:

a. Kết quả thực hiện các nội dung đã được phê duyệt: *(Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã được phê duyệt: mục tiêu, quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng ...).*

b. Kết quả thực hiện về tài chính:

- *So sánh giữa tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư với tổng giá trị giải ngân thực tế;*

- *Nêu các điều chỉnh chủ yếu về tổng mức đầu tư của dự án;*

- *Nêu các yếu tố ảnh hưởng đến giải ngân so với quyết định đầu tư đã phê duyệt.*

c. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án:

- *Nêu những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án gồm: Cơ sở pháp lý; Quản lý dự án; Đấu thầu, mua sắm; Giải phóng mặt bằng và tái định cư; Các vấn đề về kỹ thuật, công nghệ ...*

- *Các thuận lợi, khó khăn và biện pháp khắc phục mà Chủ đầu tư đã thực hiện.*

3. Sản phẩm dự án đạt được

+ Số lượng sản phẩm đã sản xuất trong năm theo công nghệ được chuyển giao:

+ Chất lượng sản phẩm so với yêu cầu đề ra

4. Đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra

a. Đánh giá về hiệu quả kinh tế xã hội so với mục tiêu của dự án:

Việc thực hiện dự án để hướng tới hoàn thành mục tiêu của dự án và góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh...

b. Tác động đối với ngành và vùng:

Việc thực hiện dự án tác động đến ngành và vùng liên quan (Kinh tế, khoa học công nghệ, môi trường, văn hóa xã hội, v.v...).

c. Tính bền vững của dự án:

Nêu những nhân tố tác động, đảm bảo sự bền vững và phát huy hiệu quả của dự án.

d. Rút bài học kinh nghiệm từ thực tiễn của dự án:

Các bài học rút ra từ dự án và khuyến nghị (nếu có) để phát huy tính hiệu quả, sự bền vững hoặc khắc phục các hạn chế của dự án.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Phần kết luận:
2. Phần kiến nghị:

Mẫu M04
Đơn đăng ký hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số...)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ
Hoạt động chuyển giao công nghệ

Kính gửi: SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ CAO BẰNG

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại.....; Fax.....; email:
.....
4. Cơ quan quyết định thành lập (nếu có):
5. Thuộc loại hình doanh nghiệp:
 - Doanh nghiệp nhà nước:
 - Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài:
 - Doanh nghiệp Khoa học và công nghệ:
 - Doanh nghiệp khác:
6. Người đại diện:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:

Căn cứ Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, tôi làm đơn này đề nghị được cấp kinh phí hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐND.
7. Bên giao công nghệ
Tên (tổ chức, cá nhân) :
Tel: ; Email: ; Fax:
Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:
Tên người đại diện: ; chức danh:
8. Tên Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi:

9. Sản phẩm của công nghệ được chuyển giao:

- Tên, ký hiệu sản phẩm:
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo tiêu chuẩn cơ sở, Việt Nam, quốc tế):
- Sản lượng:
- Tỷ lệ xuất khẩu:

10. Nội dung chuyển giao công nghệ:

Nội dung	Có	Không	Ghi chú
+ Bí quyết công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Tài liệu kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Đào tạo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Trợ giúp kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
+ Li xăng đối tượng sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa...)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

11. Tổng kinh phí thực hiện dự án:

12. Nguồn vốn:

13. Thời gian thực hiện:

14. Kinh phí đề nghị Nhà nước hỗ trợ:

15. Tài liệu kèm theo:

- Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có);
- Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao Hợp đồng chuyển giao công nghệ (đối với đơn đề nghị hỗ trợ hợp đồng chuyển giao công nghệ);
- Bản sao Hợp đồng tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ (đối với đơn đề nghị hỗ trợ hoạt động tư vấn xây dựng, thiết lập và đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ)
- Hợp đồng mua thiết bị công nghệ (nếu có);
- Bản sao các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm (nếu có);
- Bản sao Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có);
- Tài liệu chứng minh các hoạt động vì cộng đồng, an sinh xã hội (nếu có);
- Bản sao các báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ (nếu có);
- Bản sao Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Doanh nghiệp (nếu có).

16. Phần cam đoan: Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Quý Sở là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Nếu được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án của doanh nghiệp, chúng tôi xin đảm bảo thực hiện đầy đủ theo quy định và theo đúng các nội dung được duyệt.

....., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Đóng dấu và kí tên)

Mẫu M05

Đơn đăng ký hỗ trợ hoạt động Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm
(Ban hành kèm theo Quyết định số...)

Tên tổ chức/ cá nhân đề
nghị hỗ trợ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐNHT

Cao Bằng, ngày..... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

Hoạt động Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng

1. Họ và tên:.....
2. Chức vụ:.....
3. Đơn vị doanh nghiệp:.....
4. Địa chỉ:.....
5. Số tài khoản:.....
6. Điện thoại:..... Fax:.....
7. Loại hình doanh nghiệp:.....

Căn cứ Nghị Quyết số: 30/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số:..../2015/QĐ-UBND ngày.... tháng.... năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định thực hiện chính sách chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

8. Mức kinh phí đề nghị hỗ trợ:.....
9. Tài liệu kèm theo:
 - Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Hồ sơ, tài liệu về hệ thống Quản lý chất lượng hoặc mô hình công cụ cải tiến năng suất và chất lượng đã được xây dựng và áp dụng

- Bản sao Giấy chứng nhận chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tiên tiến.

Kính đề nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng xem xét quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp chúng tôi theo quy định.

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu M06

Đơn đăng ký hỗ trợ hoạt động đăng ký Sở hữu công nghiệp

(Tên tổ chức/cá nhân
đề nghị hỗ trợ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / ĐNHT

Cao Bằng, ngày tháng năm 201

(Ban hành kèm theo Quyết định số...)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ
Xác lập quyền Sở hữu công nghiệp

Kính gửi: **Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng**

Họ và tên:.....

Chức vụ:

Đơn vị doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:

Số tài khoản:.....

Điện thoại: Fax:.....

Loại hình doanh nghiệp:

Căn cứ Nghị quyết số: 30/2014 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định/2015/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ , nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các Doanh nghiệp trên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho đối tượng:.....

Mức đề nghị hỗ trợ kinh phí là:..... đồng

*** Tài liệu kèm theo đơn gồm có:**

1. Bản sao Văn bằng bảo hộ đối tượng SHCN đề nghị được hỗ trợ (05 bản có chứng thực và đối chiếu bản gốc);

2. QĐ đăng ký kinh doanh

Kính đề nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng xem xét quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp chúng tôi theo quy định.

Đại diện Tổ chức/cá nhân

(ký, ghi rõ họ tên)